KPMG

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Báo cáo tài chính cho giai đoạn
từ ngày 1 tháng 1 năm 2013
đến ngày 18 tháng 4 năm 2013

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Thông tin chung

Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng	05/UBCK-GCN ngày 28 tháng 12 năm 2009
Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ	142/QĐ- SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010
Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	14/UBCK-GCN ngày 2 tháng 4 năm 2010 Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 5 năm.
Ban Đại diện Quỹ	Ông Nguyễn Trường Giang – Chủ tịch Ông Đỗ Văn Bình – Phó Chủ tịch Ông Đỗ Linh Phương – Thành viên Ông Nguyễn Mạnh Hải – Thành viên Ông Bùi Nguyên Quỳnh – Thành viên Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ngân hàng Giám sát	Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở Đăng ký	Phòng 1701 – 04 Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point Số 2 Ngô Đức Kế Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được trình bày theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 và kết quả hoạt động của Quỹ trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính;
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

S.Đ.: 45 - C.T.6 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Trường Giang, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ"), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho giai đoạn kết thúc ngày 18 tháng 4 năm 2013, được lập theo các Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, và Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

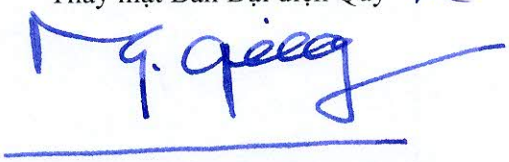

Ông Nguyễn Trường Giang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ"), bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013 và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến trang 29.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính

Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính này theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Các báo cáo tài chính này cũng đã được xác nhận bởi Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 và kết quả hoạt động của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013 phù hợp với Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 13-01-716 (A)

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 18 tháng 4 năm 2013

Mẫu B01-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
A.	**TÀI SẢN**			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	172.212.251.817	172.032.512.360
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	-	-
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	6	4.272.972.223	1.042.277.777
131	4. Phải thu khác		43.380.000	-
200	**TỔNG TÀI SẢN**		**176.528.604.040**	**173.074.790.137**
B.	**NGUỒN VỐN**			
300	**I. NỢ PHẢI TRẢ**		**578.512.099**	**837.702.489**
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	7	-	80.683.180
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		15.622.585	32.500.001
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	8	176.883.583	293.301.662
318	4. Phải trả khác	9	386.005.931	431.217.646
400	**II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**175.950.091.941**	**172.237.087.648**
410	1. Vốn phát hành cho các nhà đầu tư	10	240.437.600.000	240.437.600.000
420	2. Lỗ lũy kế	11	(64.487.508.059)	(68.200.512.352)
430	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**176.528.604.040**	**173.074.790.137**

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK

JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013

Mẫu B02-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
A.	**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN**			
10	**I. Thu nhập/(lỗ) từ hoạt động đầu tư đã thực hiện**		**5.020.173.129**	**(14.023.866.865)**
11	1. Cổ tức được nhận		-	3.271.673.320
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		-	53.300.000
13	3. Lãi tiền gửi ngân hàng		5.020.173.129	13.326.622.086
14	4. Lỗ bán chứng khoán		-	(30.876.712.411)
18	5. Thu nhập khác		-	201.250.140
30	**II. Chi phí**		**1.307.168.836**	**5.143.421.373**
31	1. Phí quản lý	15	1.046.454.727	3.462.380.185
32	2. Phí lưu ký và giám sát	15	20.929.095	69.247.605
33	3. Chi phí họp, đại hội		79.598.610	310.239.059
34	4. Chi phí kiểm toán		46.676.821	234.245.424
38	5. Phí và chi phí khác	12	113.509.583	1.067.309.100
50	**III.Thu nhập/(lỗ) hoạt động ròng đã thực hiện trong kỳ/năm**		**3.713.004.293**	**(19.167.288.238)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B02-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
B.	**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN**			
60	**I. Thu nhập**		**-**	**19.818.812.007**
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư		-	19.818.812.007
70	**II. Chi phí**		**-**	**75.461.373**
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		-	75.461.373
80	**III. Thu nhập hoạt động chưa thực hiện trong kỳ/năm**		**-**	**19.743.350.634**
	THU NHẬP THUẦN TRONG KỲ/NĂM		**3.713.004.293**	**576.062.396**
	Thu nhập trên mỗi đơn vị quỹ	**13**	**154**	**24**

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Báo cáo tài sản tại ngày 18 tháng 4 năm 2013

Mẫu B05-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
1	Tiền gửi ngân hàng	4	172.212.251.817	172.032.512.360
2	Đầu tư chứng khoán	5	-	-
4	Lãi được nhận	6	4.272.972.223	1.042.277.777
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	6	-	-
6	Phải thu khác		43.380.000	-
	Tổng tài sản		**176.528.604.040**	**173.074.790.137**
1	Phải trả hoạt động đầu tư	7	-	80.683.180
2	Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		15.622.585	32.500.001
3	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	8	176.883.583	293.301.662
4	Phải trả khác	9	386.005.931	431.217.646
	Tổng nợ phải trả		**578.512.099**	**837.702.489**
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ		**175.950.091.941**	**172.237.087.648**
	Tổng số đơn vị quỹ		**24.043.760**	**24.043.760**
	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ		**7.318**	**7.163**

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013

Mẫu B06-QDT

Mã số	Chỉ tiêu	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
I	**Giá trị tài sản ròng đầu kỳ/năm**	**172.237.087.648**	**171.661.025.252**
II	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ/năm**		
	Trong đó:		
	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/năm	3.713.004.293	576.062.396
III	**Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/năm**	**175.950.091.941**	**172.237.087.648**

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 18 tháng 4 năm 2013

Mẫu B07-QĐT

Mã số	Loại	Số lượng	Giá thị trường mỗi cổ phiếu/ giá trị mỗi trái phiếu tại ngày 18/04/2013 VND	Tổng giá trị tại ngày 18/04/2013 VND	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I	**Cổ phiếu niêm yết**	-		-	**0,00%**
II	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	-		-	**0,00%**
III	**Trái phiếu**	-		-	**0,00%**
IV	**Các tài sản khác**			**4.316.352.223**	**2,45%**
1	Lãi phải thu			4.272.972.223	2,42%
2	Phải thu khác			43.380.000	0,03%
V	**Tiền gửi ngân hàng**			**172.212.251.817**	**97,55%**
VI	**Tổng danh mục đầu tư**			**176.528.604.040**	**100%**

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK

JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013

Mẫu B04-QĐT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ") được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 240.437.600.000 VND. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 24.043.760 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ.

Hoạt động chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên chiến lược chính của phương pháp Mô hình Đầu tư Định lượng.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 142/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng Far East Nation Bank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 183/2011/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2012 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Do đó, Thông tư này cũng cho phép các quỹ đầu tư dạng mở được thành lập bằng cách chuyển đổi từ quỹ đầu tư dạng đóng miễn là quỹ thỏa mãn các điều kiện quy định. Đại hội Cổ Đông Bất Thường ngày 5 tháng 12 năm 2012 đã quyết định việc chuyển đổi Quỹ từ quỹ đầu tư dạng đóng thành quỹ đầu tư dạng mở. Theo như kế hoạch chuyển đổi được phê duyệt, Quỹ đã bán tất cả chứng khoán đầu tư để chuẩn bị cho việc chuyển đổi thành quỹ đầu tư dạng mở vào cuối Quý 4 năm 2012. Vào ngày 18 tháng 4 năm 2013, giá trị tài sản ròng của Quỹ bao gồm tiền gửi ngân hàng và lãi được nhận.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 03/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 4 năm 2013, Quỹ đã được chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở từ ngày 19 tháng 4 năm 2013 ("Chuyển đổi"). Tài sản và nợ phải trả của Quỹ, như một phần của Chuyển đổi, được chuyển sang hình thức quỹ mở, và Nhà đầu tư nắm giữ vốn theo hình thức quỹ mở. Sau khi chuyển đổi tài sản và nợ phải trả của Quỹ theo hình thức quỹ mở và việc mua lại bằng hiện vật theo phương pháp phân phối Đơn vị Quỹ cho các nhà đầu tư của Quỹ vào ngày 18 tháng 4 năm 2013, các đơn vị của Quỹ đã được hủy bỏ niêm yết trên thị trường chứng khoán từ Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 3 năm 2013.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành các quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những điểm được nêu ở Thuyết minh số 3(d).

Các chính sách kế toán sau đây đã được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ tài chính này, kỳ cuối cùng của Quỹ, là từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(b) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ đóng là Nhật ký chung.

(c) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn. Tiền gửi ngân hàng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(d) Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Thông tư 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(iii) Đánh giá lại

Theo Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 26 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên, các khoản đầu tư được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Cổ phiếu

Cổ phiếu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo theo giá đóng cửa (giá đóng cửa hoặc tên khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch) của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán trước ngày định giá.

Nếu không phát sinh giao dịch trong vòng hai tuần trước ngày lập báo cáo, chứng khoán kể trên sẽ được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo sử dụng một trong những giá trị sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán trước ngày định giá; hoặc
- Giá trị ghi sổ; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo theo giá đóng cửa (giá đóng cửa hoặc tên khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch) của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán trước ngày định giá.

Nếu không phát sinh giao dịch trong vòng hai tuần trước ngày lập báo cáo, chứng khoán kể trên sẽ được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo sử dụng một trong những giá trị sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán trước ngày định giá; hoặc
- Giá trị ghi sổ; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu của các công ty đại chúng trên thị trường UpCom được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo theo giá cuối ngày của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán trước ngày định giá. Giá cuối ngày là giá đóng cửa.

Nếu không phát sinh giao dịch trong vòng hai tuần trước ngày lập báo cáo, chứng khoán kể trên sẽ được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo sử dụng một trong những giá trị sau:

- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán trước ngày định giá; hoặc
- Giá trị ghi sổ; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo sử dụng một trong những giá trị sau:

- Giá niêm yết (nếu có) thu được từ hệ thống niêm yết của các cơ quan có liên quan; hoặc
- Giá niêm yết (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) thu được từ ít nhất ba công ty chứng khoán mà không phải bên liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá.

Nếu không có đủ giá niêm yết từ ba công ty chứng khoán, chứng khoán kể trên sẽ được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo sử dụng một trong những giá trị sau:

- Giá niêm yết thu được từ hai công ty chứng khoán; hoặc
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng trước ngày đánh giá; hoặc
- Giá trị ghi sổ; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị được xác định theo phương pháp luận đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trái phiếu

Trái phiếu niêm yết được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo theo giá đóng cửa thu được từ Sở Giao dịch tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá cộng lãi lũy kế phải trả. Nếu không phát sinh giao dịch trong vòng hai tuần trước ngày lập báo cáo, giá trị thị trường sẽ là một trong những giá trị sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế phải trả; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế phải trả; hoặc
- Giá trị được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo, giá trị thị trường sẽ là một trong những giá trị sau:

- Giá niêm yết (nếu có) từ hệ thống niêm yết cộng lãi lũy kế phải trả của ngày giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi phải trả; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi phải trả; hoặc
- Giá trị được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu thưởng, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền phát hành

Cổ phiếu thưởng, cổ phiếu chia bằng cổ phiếu và quyền phát hành được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không ngay từ đầu và được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo tài chính bằng cách tham chiếu giá trị của các chứng khoán vào ngày đó.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm xác định ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm xác định ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(i) Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

(j) Vốn góp

Các đơn vị quỹ được phân loại và trình bày trong vốn chủ sở hữu.

(k) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức

Lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được chi trả hình thành.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng Giám sát nhận được Thông báo giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) sau khi đã được Ngân hàng Giám sát kiểm tra và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(l) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận theo cơ sở dồn tích. Tất cả các khoản chi phí được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc mua các khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

(m) Lãi/(lỗ) trên mỗi đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Quỹ trình bày lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi đơn vị ("EPU") cho các đơn vị quỹ. Lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ của Quỹ chia cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm.

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Chế độ Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền bằng Đồng Việt Nam gửi tại các ngân hàng sau đây vào thời điểm cuối kỳ/năm:

	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.712.251.817	1.032.512.360
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	68.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	102.500.000.000	102.500.000.000
	172.212.251.817	172.032.512.360

Điều khoản và điều kiện của các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	Đáo hạn	18/04/2013 VND
Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	7,5%	Tháng 5 năm 2013	68.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	10%	Tháng 4 năm 2014	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	VND	11%	Tháng 12 năm 2013	98.500.000.000
				170.500.000.000

5. Đầu tư chứng khoán

Tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, Quỹ không nắm giữ các khoản đầu tư chứng khoán.

6. Phải thu hoạt động đầu tư

	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi được nhận	4.272.972.223	1.042.277.777

7. Phải trả hoạt động đầu tư

	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí môi giới phải trả	-	80.683.180
	-	80.683.180

8. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	173.415.278	287.550.649
Phí lưu ký và giám sát phải trả cho Ngân hàng Giám sát	3.468.305	5.751.013
	176.883.583	293.301.662

9. Phải trả khác

	18/04/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí đại hội thường niên trích trước	160.911.246	264.332.200
Phí kiểm toán trích trước	42.555.121	158.675.000
Phải trả khác	182.539.564	8.210.446
	386.005.931	431.217.646

10. Vốn phát hành cho các Nhà đầu tư

Không có biến động vốn trong kỳ/năm.

Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 VND. Tất cả các đơn vị quỹ đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác như nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

11. Lỗ lũy kế

	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	(68.200.512.352)	(68.776.574.748)
Lãi thuần trong kỳ/năm	3.713.004.293	576.062.396
Số dư cuối kỳ/năm	(64.487.508.059)	(68.200.512.352)

Quỹ đã phát sinh thu nhập thuần trong năm là 3.713.004.293 VND (năm kết thúc ngày 31/12/2012: 576.062.396 VND) trong đó 3.713.004.293 VND là lỗ hoạt động đã thực hiện (năm kết thúc ngày 31/12/2012: 19.167.288.238 VND là lỗ hoạt động đã thực hiện và 19.743.350.634 VND là lãi thuần chưa thực hiện từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư). Do đó, Quỹ đã báo cáo khoản lỗ lũy kế 64.487.508.059 VND tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 (31/12/2012: 68.200.512.352 VND).

12. Chi phí hoạt động khác

	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
Phí môi giới bán chứng khoán	-	245.932.830
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 15 (c))	64.300.003	219.500.001
Công tác phí của Ban Đại diện Quỹ	13.820.363	475.593.557
Chi phí khác	35.389.217	126.282.712
	113.509.583	1.067.309.100

13. Thu nhập trên mỗi đơn vị quỹ

Thu nhập trên mỗi đơn vị quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013 được tính trên cơ sở thu nhập của kỳ là 3.713.004.293 VND (năm kết thúc ngày 31/12/2012: 576.062.396 VND) và số đơn vị quỹ bình quân trong kỳ là 24.043.760 đơn vị quỹ (năm kết thúc ngày 31/12/2012: 24.043.760 đơn vị quỹ).

14. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi cho lãi được nhận tại ngày 18 tháng 4 năm 2013.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi được nhận.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Do 97.55% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 là tiền gửi, Quỹ có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau.

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND
Ngày 18 tháng 4 năm 2013			
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	15.622.585	15.622.585	15.622.585
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	176.883.583	176.883.583	176.883.583
Phải trả khác	386.005.931	386.005.931	386.005.931
	578.512.099	578.512.099	578.512.099
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	80.683.180	80.683.180	80.683.180
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	32.500.001	32.500.001	32.500.001
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	293.301.662	293.301.662	293.301.662
Phải trả khác	431.217.646	431.217.646	431.217.646
	837.702.489	837.702.489	837.702.489

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn đều hưởng lãi suất cố định.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro thị trường khác là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường khác do số dư các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 bằng không.

(d) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	18/04/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	172.212.251.817	172.212.251.817	172.032.512.360	172.032.512.360
Các khoản đầu tư chứng khoán	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	4.272.972.223	4.272.972.223	1.042.277.777	1.042.277.777
Phải thu khác	43.380.000	43.380.000	-	-
	176.528.604.040	176.528.604.040	173.074.790.137	173.074.790.137
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho hoạt động đầu tư	-	-	80.683.180	80.683.180
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	15.622.585	15.622.585	32.500.001	32.500.001
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	176.883.583	176.883.583	293.301.662	293.301.662
Phải trả khác	386.005.931	386.005.931	431.217.646	431.217.646
	578.512.099	578.512.099	837.702.489	837.702.489

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đánh giá lại.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 18 tháng 4 năm 2013 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

15. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan và các hợp đồng chủ chốt

(a) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
Phí Quản lý Quỹ	1.046.454.727	3.462.380.185

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Phí thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng hai mươi phần trăm (20%) phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư đầu tư bình quân trong năm của Quỹ. Mức thưởng hoạt động không được ghi nhận trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013 và trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì chưa đủ điều kiện.

Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Tiền phụ cấp và các chi phí liên quan của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	64.300.003	219.500.001

(b) Các hợp đồng chủ chốt

Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Giám sát

	Từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/4/2013 VND	Năm kết thúc 31/12/2012 VND
Phí giám sát và quản lý tài sản	20.929.095	69.247.605

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Theo Điều lệ của Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng.

16. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	Tại thời điểm và cho giai đoạn từ ngày 1/1/2013 đến ngày 18/04/2013	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2012
I	**Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư**		
1	Tỷ lệ các loại chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
3	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
4	Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
5	Tỷ lệ các loại trái phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
6	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
7	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	97,55%	99,40%
8	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2,85%	3,30%
9	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,74%	0,93%
II	**Tỷ lệ thị trường**		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trên thị trường	24.043.760	24.043.760
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý Quỹ	0,00%	0,23%
3	Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ mua bán trong kỳ/năm	7,51%	27,76%
4	Giá trị đơn vị quỹ (VND)	7.318	7.163

17. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 18 tháng 4 năm 2013 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 7 tháng 3 năm 2014.

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Far East National Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính*
Ngân hàng Far East National Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh JEFFREY LIU General Director	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam Ông Trần Thanh Tân *Tổng Giám đốc*